**Chương 2**

**QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ QUAN HỆ PHÁP LUẬT**

Hiện tại, hệ thống văn bản [Quy phạm pháp luật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Quy_ph%E1%BA%A1m_ph%C3%A1p_lu%E1%BA%ADt) (được quy định trong *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật* số 80/2015/QH13 ngày 22/06/2015)

Hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam bao gồm:

* [Hiến pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hi%E1%BA%BFn_ph%C3%A1p) – Do [Quốc hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%91c_h%E1%BB%99i) ban hành, là văn bản pháp luật cao nhất.
* [Luật](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1o_lu%E1%BA%ADt) hoặc [Bộ luật](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_lu%E1%BA%ADt_h%C3%ACnh_s%E1%BB%B1_Vi%E1%BB%87t_Nam) – Do Quốc hội thông qua và [Chủ tịch nước](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch_n%C6%B0%E1%BB%9Bc) ký quyết định ban hành. Có thể kể một số Bộ luật như: [Bộ luật dân sự](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BB%99_lu%E1%BA%ADt_d%C3%A2n_s%E1%BB%B1&action=edit&redlink=1), [Bộ luật hình sự](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BB%99_lu%E1%BA%ADt_h%C3%ACnh_s%E1%BB%B1&action=edit&redlink=1), [Bộ luật tố tụng dân sự](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BB%99_lu%E1%BA%ADt_t%E1%BB%91_t%E1%BB%A5ng_d%C3%A2n_s%E1%BB%B1&action=edit&redlink=1), Bộ luật tố tụng hình sự, [Bộ luật lao động](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BB%99_lu%E1%BA%ADt_lao_%C4%91%E1%BB%99ng&action=edit&redlink=1), [Bộ luật hàng hải](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BB%99_lu%E1%BA%ADt_h%C3%A0ng_h%E1%BA%A3i&action=edit&redlink=1)
* Nghị\_quyết\_của\_Quốc\_hội
* [Văn bản dưới luật](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=V%C4%83n_b%E1%BA%A3n_d%C6%B0%E1%BB%9Bi_lu%E1%BA%ADt&action=edit&redlink=1) gồm
  + [Ủy ban thường vụ Quốc hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BB%A6y_ban_th%C6%B0%E1%BB%9Dng_v%E1%BB%A5_Qu%E1%BB%91c_h%E1%BB%99i): [Pháp lệnh](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%C3%A1p_l%E1%BB%87nh&action=edit&redlink=1), Nghị quyết
  + [Chủ tịch nước](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch_n%C6%B0%E1%BB%9Bc): [Lệnh](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=L%E1%BB%87nh&action=edit&redlink=1), [Quyết định](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Quy%E1%BA%BFt_%C4%91%E1%BB%8Bnh&action=edit&redlink=1)
  + [Chính phủ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_ph%E1%BB%A7): [Nghị định](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ngh%E1%BB%8B_%C4%91%E1%BB%8Bnh&action=edit&redlink=1).
  + [Thủ tướng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%A7_t%C6%B0%E1%BB%9Bng) [Chính phủ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_ph%E1%BB%A7): [Quyết định](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Quy%E1%BA%BFt_%C4%91%E1%BB%8Bnh&action=edit&redlink=1)
  + [Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%99i_%C4%91%E1%BB%93ng_Th%E1%BA%A9m_ph%C3%A1n_T%C3%B2a_%C3%A1n_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_t%E1%BB%91i_cao): Nghị quyết
  + [Chánh án Toà án nhân dân tối cao](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A1nh_%C3%A1n_T%C3%B2a_%C3%A1n_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_t%E1%BB%91i_cao_(Vi%E1%BB%87t_Nam)): Thông tư.
  + [Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87n_tr%C6%B0%E1%BB%9Fng_Vi%E1%BB%87n_ki%E1%BB%83m_s%C3%A1t_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_t%E1%BB%91i_cao_(Vi%E1%BB%87t_Nam)): Thông tư.
  + [Bộ trưởng](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_tr%C6%B0%E1%BB%9Fng), Thủ trưởng cơ quan ngang bộ: [Thông tư](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%C3%B4ng_t%C6%B0&action=edit&redlink=1)
  + [Tổng Kiểm toán Nhà nước](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%95ng_Ki%E1%BB%83m_to%C3%A1n_Nh%C3%A0_n%C6%B0%E1%BB%9Bc_(Vi%E1%BB%87t_Nam)): Quyết định
  + Nghị quyết liên tịch giữa Uỷ ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa [Chính phủ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_ph%E1%BB%A7_Vi%E1%BB%87t_Nam) với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội.
  + [Thông tư liên tịch](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%C3%B4ng_t%C6%B0_li%C3%AAn_t%E1%BB%8Bch&action=edit&redlink=1) giữa Chánh án Toà án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với [Chánh án Tòa án nhân dân tối cao](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A1nh_%C3%A1n_T%C3%B2a_%C3%A1n_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_t%E1%BB%91i_cao_(Vi%E1%BB%87t_Nam)), Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
* Văn bản quy phạm pháp luật của [Hội đồng nhân dân](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%99i_%C4%91%E1%BB%93ng_nh%C3%A2n_d%C3%A2n), [Uỷ ban nhân dân](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BB%A6y_ban_nh%C3%A2n_d%C3%A2n). Bao gồm:[[2]](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%87_th%E1%BB%91ng_ph%C3%A1p_lu%E1%BA%ADt_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-2)
  + Hội đồng nhân dân: Nghị quyết.
  + Ủy ban nhân dân: Quyết định.

2.1.QUY PHẠM PHÁP LUẬT

**2.1.1. Khái niệm, đặc điểm của quy phạm pháp luật**

***\* Khái niệm***

*Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận có tính bắt buộc chung, thể hiện ý chí nhà nước, được nhà nước đảm bảo thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội.*

Các quy phạm pháp luật có thể là quy tắc xử sự của công dân, của những người có chức vụ, quyền hạn, là những quy định về cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, là những quy định về địa vị pháp lý của các đoàn thể, tổ chức quần chúng và các chủ thể pháp luật khác.

Ví dụ : *“Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước”.* (Điều 23, HP 2013)

***\* Đặc điểm của Quy phạm pháp luật***

***- Thể hiện ý chí của nhà nước*.** Quy phạm pháp luật thể hiện ý chí của lực lượng cầm quyền trong xã hội. Về nội dung, mỗi quy phạm pháp luật thường thể hiện sự cho phép hoặc bắt buộc đối với hành vi của các cá nhân, tổ chức trong xã hội. Nói cách khác, quy phạm pháp luật xác định quyền và nghĩa vụ pháp lý của các cá nhân và tổ chức khi tham gia quan hệ xã hội được nó điều chỉnh.

***- Tính phổ biến (bắt buộc chung)*.** Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự có tính bắt buộc đối với mọi cá nhân, tổ chức ở vào điều kiện, hoàn cảnh đã được dự kiến trước. Quy phạm pháp luật có thể được áp dụng nhiều lần trong cuộc sống cho đến khi bị thay đổi hoặc hủy bỏ.

***- Chặt chẽ về hình thức.*** Các quy phạm pháp luật được ban hành bởi các chủ hể có thẩm quyền nhất định và theo những trình tự, thủ tục nhất định.

***- Việc thực hiện các quy phạm pháp luật được nhà nước đảm bảo thực hiện.*** Quy phạm pháp luật do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện. Các quy phạm pháp luật được ghi nhận dưới hình thức chủ yếu là văn bản quy phạm pháp luật, theo thể thức, trình tự mà pháp luật cho phép. Đồng thời nhà nước cũng thiết lập một hệ thống cơ quan nhà nước có thẩm quyền đảm bảo cho các quy phạm pháp luật được thực hiện thống nhất, nghiêm chỉnh.

Những đặc điểm trên sẽ giúp chúng ta phân biệt được giữa quy phạm pháp luật với các quy phạm xã hội khác như quy phạm đạo đức, quy phạm tôn giáo, nội quy, quy chế của cơ quan, xí nghiệp…

**2.1.2. Cơ cấu của quy phạm pháp luật**

***\* Giả định***

Giả định là bộ phận của quy phạm quy định địa điểm, thời gian, chủ thể, hoàn cảnh và tình huống mà khi xảy ra trong thực tế cuộc sống thì cần phải thực hiện quy phạm pháp luật tương ứng, nghĩa là xác định môi trường, phạm vi tác động của quy phạm ph áp luật.

Giả định nêu lên trong trường hợp nào thì các chủ thể của quan hệ được điều chỉnh sẽ xuất hiện những quyền và nghĩa vụ pháp lí do quy phạm pháp luật đó quy định.

Ví dụ 1:*“Công dân* có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.”(Điều 46 Hiến pháp 2013)

Ví dụ 2: “*Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết*, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm” (Điều 102 Bộ luật hình sự 2015).

Nhìn chung, giả định là bộ phận không thể thiếu được trong quy phạm pháp luật. Bởi vì, nếu thiếu giả định, chúng ta không thể biết được ai, tổ chức nào và khi nào phải xử sự theo yêu cầu của quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế, giả định được biểu hiện dưới nhiều cách thức khác nhau.

***\* Quy định***

Quy định là bộ phận nêu lên quy tắc xử sự mà mọi chủ thể phải tuân theo khi gặp hoàn cảnh đã nêu trong phần giả định của quy phạm pháp luật đó.

Quy định là phần trung tâm của quy phạm pháp luật, bởi chính đây là bản thân quy tắc hành vi thể hiện ý chí, mệnh lệnh của nhà nước mà các chủ thể phải thực hiện khi gặp những tình huống mà nhà làm luật đã dự liệu ở phần giả định. Bộ phận quy định nêu lên quyền và nghĩa vụ của chủ thể của quan hệ xã hội được điều chỉnh.

**Phân loại bộ phận quy định của quy phạm pháp luật** có thể phân thành: *các Quy định cấm, bắt buộc và Quy định tuỳ nghi.*

* Quy định cấm, bắt buộc của quy phạm pháp luật là loại quy định nêu ra cách xử sự dứt khoát buộc các chủ thể phải tuân theo mà không có sự lựa chọn khác.

Ví dụ: “*Cấm gửi trong thư, bưu phẩm, bưu kiện: ấn phẩm, vật phẩm, hàng hoá cấm lưu thông, cấm nhập khẩu, xuất khẩu ấn phẩm, vật phẩm, hàng hoá nước nhập cấm nhập khẩu…”* (Điều 18 Pháp lệnh Bưu chính viễn thông).

- Quy định tuỳ nghi: Là loại quy định không nêu ra một cách xử sự dứt khoát cụ thể mà nêu lên hai hay nhiều cách xử sự để cho các chủ thể có liên quan được quyền lựa chọn cách xử sự phù hợp.

Ví dụ: “*Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú của một trong hai bên kết hôn là cơ quan đăng kí kết hôn*” (Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình 2000).

***\* Chế tài***

Chế tài là bộ phận quy phạm pháp luật nêu lên những biện pháp cưỡng chế áp dụng đối với chủ thể có hành vi vi phạm các yêu cầu của bộ phận quy định của quy phạm pháp luật. Chế tài là bộ phận nêu lên những hậu quả pháp lí bất lợi đối với chủ thể vi phạm pháp luật.

Ví dụ: Khoản 2 Điều 120 Luật xây dựng quy định: “Công trình xây dựng sai quy hoạch, công trình xây dựng không có giấy phép hoặc sai với giấy phép xây dựng được cấp…thì *phải bị dỡ bỏ toàn bộ hoặc phần vi phạm theo quy định”.*

**Phân loại chế tài:** Có thể phân chế tài thành: Chế tài hình phạt; Chế tài khôi phục và Chế tài phủ nhận pháp luật.

*+ Chế tài hình phạt:* là sự phản ứng gay gắt nhất của nhà nước đối với hành vi vi phạm pháp luật như chế tài hình sự, chế tài hành chính…

*+ Chế tài khôi phục* pháp luật. Ví dụ: Biện pháp bắt buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép; trả lại tài sản đã chiếm giữ trái phép…

*+ Chế tài phủ nhận* pháp luật. Ví dụ: Sự không thừa nhận quan hệ hôn nhân thực tế nếu không đăng kí kết hôn theo đúng quy định của pháp luật.

**2.1.3. Phân loại quy phạm pháp luật**

Quy phạm pháp luật có thể được phân loại theo một số tiêu chí sau:

\* Căn cứ vào ***nội dung*** của quy phạm pháp luật, có các loại quy phạm pháp luật sau:

- Quy phạm pháp luật **định nghĩa:** là quy phạm pháp luật có nội dung giải thích, xác định một số vấn đề nào đó, hoặc nêu một khái niệm pháp lý nhất định.

- Quy phạm pháp luật **nguyên tắc:** là quy phạm pháp luật xác định những nguyên tắc cơ bản làm cơ sở cho việc quy định cách xử sự của các cá nhân, tổ chức.

- Quy phạm pháp luật **điều chỉnh:** là quy phạm pháp luật có nội dung trực tiếp điều chỉnh hành vi của các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ xã hội nhất định.

\* Căn cứ vào ***tính mệnh lệnh*** trong quy phạm pháp luật, có các loại quy phạm pháp luật sau:

- Quy phạm pháp luật **bắt buộc:** là loại quy phạm xác định rõ ràng cách xử sự của các cá nhân, tổ chức: buộc phải làm gì? Không được được làm gì?

- Quy phạm pháp luật **tùy nghi** có nội dung cho phép các chủ thể lựa chọn một cách xử sự phù hợp với các quy định của pl.

- Quy phạm pháp luật **hướng dẫn** là quy phạm pháp luật có nội dung chủ yếu là khuyên nhủ, hướng dẫn các chủ thể tự giải quyết các công việc nhất định.

**2.2.** **QUAN HỆ PHÁP LUẬT**

**2.2.1. Khái niệm về quan hệ pháp luật**

Quan hệ xã hội là quan hệ giữa con người với con người trong đời sống hàng ngày. Quan hệ xã hội rất đa dạng và phong phú, đó có thể là quan hệ gia đình (quan hệ giữa cha mẹ và con cái); quan hệ lao động; quan hệ tài sản; quan hệ tài chính… Các quan hệ xã hội được điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật, quy phạm đạo đức, tôn giáo... Trong xã hội có nhà nước, các quan hệ xã hội quan trọng đã được phát triển tới mức phổ biến được điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật. Khi đó, những quan hệ xã hội này sẽ trở thành quan hệ pháp luật.

Quan hệ pháp luật: *Là hình thức pháp lí của quan hệ xã hội xuất hiện dưới sự tác động, điều chỉnh của QPPL, trong đó các bên tham gia quan hệ đó có các quyền và nghĩa vụ pháp lí được pháp luật ghi nhận và được nhà nước đảm bảo thực hiện*.

Quan hệ pháp luật là hình thức đặc biệt của quan hệ xã hội. Nó tồn tại trong hầu hết các lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội và có liên hệ mật thiết với các loại hình các quan hệ xã hội khác. VD: Quan hệ giữa vợ và chồng; quan hệ giữa hai doanh nghiệp khi họ kí kết hợp đồng; quan hệ giữa chiến sĩ cảnh sát giao thông với người vi phạm pháp luật giao thông...

**2.2.2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật**

***- Quan hệ pháp luật thuộc loại quan hệ tư tưởng***

Quan hệ pháp luật thuộc kiến trúc thượng tầng và phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng nhất định. Trong xã hội có giai cấp, mỗi kiểu quan hệ sản xuất lại có một kiểu quan hệ pháp luật phù hợp.

Quan hệ pháp luật phát triển, biến đổi theo sự phát triển, biến đổi của quan hệ sản xuất. Mặc dù phụ thuộc vào các quan hệ sản xuất nhưng quan hệ pháp luật cũng có những ảnh hưởng to lớn tới sự phát triển của cơ sở hạ tầng.

***- Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội có ý chí***

Nói cách khác, quan hệ pháp luật xuất hiện do ý chí của con người. Các quan hệ này không ngẫu nhiên hình thành mà phải trải qua những hành vi có ý chí của một hoặc cả hai chủ thể.

***- Quan hệ pháp luật xuất phát trên cơ sở quy phạm pháp luật***

Vì vậy, quan hệ pháp luật mang tính giai cấp sâu sắc. Việc lựa chọn quan hệ xã hội nào để điều chỉnh bằng pháp luật là phụ thuộc vào ý chí của nhà nước. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, những quan hệ xã hội nào liên quan đến việc áp bức, bóc lột đều bị pháp luật kìm hãm và tìm cách loại trừ dần, còn những quan hệ xã hội nào liên quan tới lợi ích của nhân dân lao động, tới công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thì được pháp luật bảo vệ và tạo điều kiện phát triển.

***- Quan hệ pháp luật có tính xác định.***Quan hệ pháp luật chỉ xuất hiện khi có một hoàn cảnh, tình huống nhất định đã được pháp luật dự liệu trước và khi có một chủ thể tham gia quan hệ đó.

***- Quan hệ pháp luật là quan hệ mà các bên tham gia quan hệ đó có các quyền và nghĩa vụ pháp lý nhất định*.** Ví dụ: trong quan hệ pháp luật về hợp đồng dân sự thì bên mua có quyền nhận hàng, có nghĩa vụ trả tiền, bên bán có quyền nhận tiền và có nghĩa vụ giao hàng…

**2.2.3. Thành phần của quan hệ pháp luật**

***2.2. 3.1. Chủ thể quan hệ pháp luật***

Chủ thể Quan hệ pháp luật là các cá nhân, tổ chức có khả năng trở thành các bên tham gia các quan hệ pháp luật đó và họ có các quyền và nghĩa vụ pháp lí trên cơ sở pháp luật quy định

Chủ thể của quan hệ pháp luật có một thuộc tính cơ bản là năng lực chủ thể, tức là khả năng để trở thành chủ thể pháp luật. Năng lực chủ thể bao gồm hai yếu tố cấu thành: Năng lực pháp luật và Năng lực hành vi.

***\* Năng lực pháp luật:***

Là khả năng của chủ thể có được các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lí được nhà nước thừa nhận.

Năng lực có thể được coi là phần tối thiểu trong năng lực chủ thể của cá nhân và pháp nhân. Với năng lực pháp luật, các chủ thể chỉ tham gia thụ động vào các quan hệ pháp luật hoặc được pháp luật bảo vệ trong các quan hệ nhất định.Tính thụ động của chủ thể thể hiện ở chỗ là không tự tạo ra được cho mình các quyền và nghĩa vụ pháp lý. Các quyền và nghĩa vụ pháp lý mà họ có được trong mối quan hệ pháp luật cụ thể là do ý chí của nhà nước, ý chí của người thứ ba.

**VD:** Một đứa trẻ được thừa kế khi bố mẹ chết; một nam thanh niên khi đủ tuổi thì phải đi đăng kí nghĩa vụ quân sự;…

Năng lực pháp luật của cá nhân do Nhà nước quy định. Nó xuất hiện kể từ khi cá nhân sinh ra và chỉ mất đi khi cá nhân chết. Trong một số lĩnh vực, năng lực pháp luật của cá nhân được mở rộng dần từng bước phụ thuộc vào sự phát triển của thể lực và trí lực.

***\* Năng lực hành vi:***

Là khả năng của chủ thể được nhà nước thừa nhận bằng hành vi của mình, thực hiện một cách độc lập các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lí tham gia vào các quan hệ pháp luật.

Khác với năng lực pháp luật, năng lực hành vi chỉ xuất hiện khi cá nhân đã đạt được độ tuổi nhất định và đạt được những điều kiện nhất định.

Tổ chức hoặc cá nhân có năng lực hành vi sẽ được tham gia với tư cách là chủ thể quan hệ pháp luật, bằng hành vi của mình có thể độc lập xác lập và thực hiện các quyền, nghĩa vụ pháp lý cũng như độc lập chịu trách nhiệm về những hành vi của mình.

**VD:** Ở nước ta, năng lực kết hôn được pháp luật quy định là 20 tuổi (nam); 18 tuổi (nữ); năng lực bầu cử (18 tuổi); tuổi chịu trách nhiệm hình sự (từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi và từ đủ 16 tuổi trở lên)…

Năng lực pháp luật và năng lực hành vi là những thuộc tính pháp lí có mối liên hệ mật thiết với nhau và không tách rời nhau của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, chúng không phải là những thuộc tính tự nhiên, không phải sẵn có khi người đó sinh ra mà là những thuộc tính pháp lý. Chúng đều do nhà nước thừa nhận cho mỗi tổ chức hoặc cá nhân. Chỉ thông qua quy phạm pháp luật ta mới biết được tổ chức, cá nhân nào có năng lực chủ thể pháp luật để tham gia vào các quan hệ do pháp luật quy định.

***\* Các loại chủ thể của quan hệ pháp luật: Cá nhân; tổ chức.***

- Cá nhân gồm: Công dân, người nước ngoài và người không có quốc tịch.

- Tổ chức là các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức kinh doanh dịch vụ... Các tổ chức có thể là chủ thể của các quan hệ pháp luật khác nhau, song nhìn chung các tổ chức là chủ thể của quan hệ pháp luật phần lớn có tư cách pháp nhân, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, thương mại.

Các điều kiện để một tổ chức có thể trở thành pháp nhân là: được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, đăng ký hoặc công nhận; có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình và nhân danh mình khi tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập (Điều 84 BLDS). Các pháp nhân tham gia quan hệ pháp luật như: cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội…

***2.2.3.2. Nội dung của quan hệ pháp luật***

Bao gồm các quyền và nghĩa vụ pháp lí của chủ thể:

\* ***Quyền chủ thể***: Là cách xử sự mà pháp luật cho phép chủ thể được tiến hành. Nói cách khác, quyền chủ thể là khả năng của chủ thể xử sự theo cách thức nhất định được pháp luật cho phép. Nói là khả năng có nghĩa là chủ thể có thể lựa chọn giữa việc xử sự theo cách thức mà nó được phép tiến hành hoặc không xử sự như vậy.

VD: Công dân có quyền khiếu nại, tố cáo. Do vậy, họ có thể thực hiện việc đó, cũng có thể không thực hiện nếu thấy bất lợi cho mình.

Quyền chủ thể được thực hiện dưới các hình thức:

- Khả năng của chủ thể xử sự theo cách thức nhất định mà pháp luật cho phép.

- Khả năng yêu cầu các chủ thể khác chấm dứt hành động cản trở mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ hoặc yêu cầu họ tôn trọng các nghĩa vụ của họ phát sinh từ quyền và nghĩa vụ này.

- Khả năng của chủ thể yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

*\** ***Nghĩa vụ pháp lý của chủ thể****:*

Là cách xử sự mà nhà nước bắt buộc họ phải tuân theo nhằm thực hiện các quyền của chủ thể khác. Nghĩa vụ pháp lí tự nó không phải là hành vi mà chỉ là sự cần thiết phải xử sự như vậy. VD: Nghĩa vụ nộp thuế, nghĩa vụ cứu giúp người khác khi họ nguy hiểm đến tính mạng; nghĩa vụ tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác…

Nghĩa vụ của chủ thể bao gồm những sự cần thiết phải xử sự sau:

- Cần phải tiến hành một số hoạt động nhất định;

- Cần kiềm chế không thực hiện một số hành động nhất định.

- Cần phải chịu trách nhiệm pháp lí khi xử sự không đúng với những quy định của pháp luật.

Quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể là hai hiện tượng pháp lý không thể thiếu trong một quan hệ pháp luật cụ thể. Không có quyền nằm ngoài mối liên hệ với nghĩa vụ đảm bảo cho quyền đó được thực hiện và ngược lại không có nghĩa vụ pháp lý nằm ngoài với quyền của chủ thể. Điều này biểu hiện mối liên hệ chặt chẽ giữa các bên tham gia một quan hệ pháp luật cụ thể.

VD: Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân (Điều 59 Hiến pháp); Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân (Điều 55 Hiến pháp)…

Trong quan hệ pháp luật, quyền và nghĩa vụ của chủ thể luôn thống nhất, phù hợp với nhau. Nội dung, số lượng và các biện pháp bảo đảm thực hiện chúng đều do nhà nước quy định hoặc do các bên xác lập trên cơ sở các quy định đó.

***2.2.3.3. Khách thể của quan hệ pháp luật***

Khách thể của QHPL là những lợi ích vật chất, tinh thần và những lợi ích xã hội khác có thể thỏa mãn những nhu cầu, đòi hỏi các tổ chức, cá nhân mà vì chúng, các chủ thể tham gia vào các QHPL.

Khách thể là cái thúc đẩy tổ chức và cá nhân tham gia vào các QHPL, vì chúng mà các chủ thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Ví dụ: trong hợp đồng mua bán hàng hóa thì khách thể của bên mua hàng là hàng hóa, của bên bán hàng là tiền hàng; trong quan hệ kết hôn, khách thể là nhằm xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, ấm no…

Khách thể của quan hệ pháp luật cần được phân biệt với đối tượng điều chỉnh của pháp luật là những quan hệ xã hội mà pháp luật tác động tới. Khách thể của quan hệ pháp luật là vấn đề quan trọng, có ý nghĩa đối với việc phân tích sự vận động của quan hệ pháp luật. Khách thể của quan hệ pháp luật phản ánh lợi ích của chủ thể. Vì vậy, sự quan tâm nhiều hay ít của chủ thể quan hệ pháp luật đối với khách thể là động lực thúc đẩy sự phát sinh, tồn tại hay chấm dứt quan hệ phápluật.

**2.2.4. Sự kiện pháp lí**

*Sự kiện pháp lí là những tình huống, hiện tượng, quá trình xảy ra trong đời sống có liên quan tới sự xuất hiện, thay đổi và chấm dứt các quan hệ pháp luật.*

Quan hệ pháp luật không phải là một hiện tượng bất biến mà chúng có sự xuất hiện, thay đổi hoặc chấm dứt.

***Sự xuất hiện, thay đổi hoặc chấm dứt của quan hệ pháp luật sẽ xảy ra khi có đủ các yếu tố: Quy phạm pháp luật; năng lực chủ thể và sự kiện pháp lý.*** Trong đó, quy phạm pháp luật, năng lực chủ thể là điều kiện cần, còn sự kiện pháp lý là điều kiện đủ.

**Ví dụ:** Sự kiện pháp lý của quan hệ vợ chồng là việc hai bên nam nữ đi đăng ký kết hôn và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trao giấy đăng ký kết hôn cho họ; hoặc sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ mua bán trong hợp đồng mua bán hàng hóa là hợp đồng…

*Thực chất sự kiện pháp lý là những sự kiện trong số các sự kiện xảy ra trong thực tế.* Sự khác nhau giữa sự kiện pháp lý với sự kiện thực tế khác là ý nghĩa của chúng đối với pháp luật. Điều này có nghĩa là có những sự kiện thực tế không có ý nghĩa gì lắm đối với pháp luật (như gió thổi, hát ca…) song cũng có những sự kiện có ý nghĩa lớn đối với nó (bão tố, cái chết của công dân, việc mua bán…).

Sự kiện thực tế chỉ trở thành sự kiện pháp lý chỉ khi nào pháp luật quy định rõ điều đó. Mỗi nhà nước có quy định khác nhau về sự kiện pháp lý. Việc thừa nhận hay không thừa nhận một thực tế nào đó là sự kiện pháp lý đều xuất phát từ lợi ích của xã hội và của giai cấp nắm chính quyền trong xã hội

**Phân loại sự kiện pháp lý:** SKPL được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau, song phổ biến nhất là tiêu chí ý chí. Với tiêu chuẩn này, sự kiện pháp lí được phân thành sự biến pháp lí và hành vi.

***+ Sự biến pháp lí:*** là những hiện tượng tự nhiên mà trong những trường hợp nhất định, pháp luật gắn với sự xuất hiện ở các chủ thể quyền và nghĩa vụ pháp lí.

Ví dụ: *“Người có quyền, lợi ích liên quan có thể yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố một người là đã chết trong các trường hợp:…Bị tai nạn hoặc* ***thảm họa, thiên tai*** *mà sau một năm, kể từ ngày tai nạn hoặc thảm họa, thiên tai đó chấm dứt vẫn không có tin tức xác thực là còn sống”* Điều 71 BLDS 2015.

***+ Hành vi*** (hành động hoặc không hành động): là những sự kiện xảy ra theo ý chí của con người và có hậu quả pháp lí nhất định.

Hành vi được chia thành hành vi hợp pháp (tức là những hành vi phù hợp với pháp luật) và hành vi bất hợp pháp (những hành vi trái pháp luật. VD: giết người, cố ý gây thương tích; trộm cắp tài sản…).

Cách phân loại sự kiện pháp lý chỉ mang tính chất tương đối. Một sự kiện pháp lý nhất định xét theo căn cứ này thì sự kiện pháp lý khẳng định hay phủ định song xét theo căn cứ khác thì lại là sự biến hay hành vi.

Sự kiện pháp lí phải là một sự kiện có thật trong thực tế, nhưng một sự kiện có thật chỉ có thể trở thành sự kiện pháp lí khi được pháp luật quy định mà trở thành cơ sở làm nảy sinh quan hệ pháp luật..

Sự kiện pháp lí là một khái niệm pháp lí đa dạng có thể phân loại ở nhiều cấp độ khác nhau. Ở cấp độ chung nhất, sự kiện pháp lí được phân thành hành vi và sự cố.

Hành vi là sự kiện gắn liền với con người, nảy sinh do ý chí của con người. Dấu hiệu tiêu biểu của hành vi là biểu thị ý chí của con người - chủ thể của quan hệ pháp luật như là đơn khiếu tố, mệnh lệnh, hợp đồng, còn sự cố là một sự biến, một hiện tượng tự nhiên, hoàn toàn độc lập với con người nhưng vẫn làm phát sinh các quan hệ pháp luật như hạn hán, bão lụt hoặc thiên tai nói chung. Tuy nhiên, hành vi lại có thể phân loại thành hành động và không hành động. Hành động là hành vi, cách xử sự tích cực, chủ động như sự việc một người đi đường gặp một người bị tai nạn đã dừng xe, đưa người bị tai nạn lên xe và đưa đi cấp cứu là hành vi hành động và cũng người đó nhưng khi gặp người bị tai nạn lại phất lờ, bỏ qua, phóng xe đi thẳng, đó là một trường hợp không hành động trong việc cứu người, vi phạm vào điều cấm và làm phát sinh quan hệ pháp luật hình sự theo Điều 102 Bộ Luật hình sự. Xét theo tiêu chí tính hợp pháp thì hành vi (kể cả hành động và không hành động) lại có thể phân loại thành hành vi hợp pháp và hành vi bất hợp pháp. Hành vi hợp pháp hay hành vi không hợp pháp đều có thể phân loại thành hành vi (hợp pháp hoặc hợp pháp) hình sự, dân sự, lao động. hành chính... Thông thường, một sự kiện pháp lí có thể làm phát sinh một quan hệ pháp luật như sự kiện kí kết hợp đồng làm phát sinh quan hệ hợp đồng, nhưng trong một số trường hợp. để một quan hệ pháp luật có thể xuất hiện phải cần đến một loạt sự kiện pháp Ií, chẳng hạn, để nhận được lương hưu cần đến một số sự kiện pháp lí, như phải đạt đến một tuổi đời nhất định như nam - 60 tuổi, nữ 55 tuổi, tuổi về hưu - năm công tác 30 năm, nữ 25 năm; đơn xin hưởng lương hưu, quyết định của cơ quan bảo hiểm xã hội và có thể một sự kiện khác. Trong trường hợp này, các sự kiện pháp lí tập hợp lại thành một tập hợp sự khăng khít với nhau. Nhưng trong một số trường hợp, khoa học pháp lí và cả trong thực tiễn tư pháp lại chấp nhận trường hợp giả định mà theo thuật ngữ chuyên môn gọi là "suy đoán" như suy đoán vô tội được vận dụng rộng rãi trong khoa học và thực tiễn tố tụng hình sự.

**Tham khảo thêm về sự kiện bất ngờ:** Sự kiện bất ngờ là sự kiện nảy sinh (xuất hiện) ngoài dự kiến của chủ thể pháp luật và chủ thể không thể thấy trước hậu quả của nó. Bài viết phân tích, làm rõ khái niệm, cách hiểu về sự kiện bất ngờ đồng thời phân tích khái niệm này dưới góc nhìn của luật hình sự hiện nay:

Chủ thể pháp luật khi thực hiện hành vỉ nguy hiểm cho xã hội do sự kiện bất ngờ thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong quan hệ dân sự, nếu do sự kiện bất ngờ mà có sự thiệt hại thì sự thiệt hại phải chia đều cho các bên tham gia pháp luật.

**Quy định về sự kiện bất ngờ trong luật hình sự**

Điều 20 [bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017](https://luatminhkhue.vn/bo-luat-hinh-su-moi-nhat---.aspx) quy định trường hợp sự kiện bất ngờ như sau:

*"Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội trong trường họp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thay trước hậu quả của hành vi đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự".*

Sự kiện bất ngờ là trường hợp đã gây ra hậu quả thiệt hại nhưng người có hành vi gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm hình sự vì họ không buộc phải thấy trước hoặc không thể thấy trước hậu quả thiệt hại của hành vi của mình hay nói cách khác vì họ không có lỗi.

Trường hợp sự kiện bất ngờ và trường hợp có lỗi vô ý vì cẩu thả có điểm giống nhau là chủ thể thực hiện đều không thấy trước hậu quả thiệt hại mà hành vi của mình đã gây ra. Do có sự giống nhau dễ dẫn đến nhầm lẫn nên các BLHS năm 1985 và 1999 đều xếp các điều luật quy đinh về hai trường hợp này kế tiếp nhau. Nhưng ở trường hợp có lỗi vô ý vì cẩu thả, người phạm tội có nghĩa vụ phải thấy trước và có đủ điều kiện để thấy trước hậu quả thiệt hại của hành vi của mình. Người phạm tội đã không thấy trước hậu quả thiệt hại của hành vi của mình là vì cẩu thả. Còn trong trường hợp sự kiện bất ngờ, chủ thể không có nghĩa vụ phải thấy trước hậu quả thiệt hại của hành vi của mình hoặc tuy có nghĩa vụ phải thấy trước nhưng không có điều kiện để thấy trước hậu quả đó. Như vậy, trong trường hợp sự kiện bất ngờ, việc chủ thể không thấy trước hậu quả thiệt hại mà hành vi của mình đã gây ra là do khách quan.

Cần phân biệt sự kiện bất ngờ với trường hợp bất khả kháng hay còn được gọi là tình trạng không thể khắc phục được. Đó là trường hợp chủ thể không có cách nào ngăn ngừa được hậu quả thiệt hại mà họ đã thấy trước.